



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1571

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

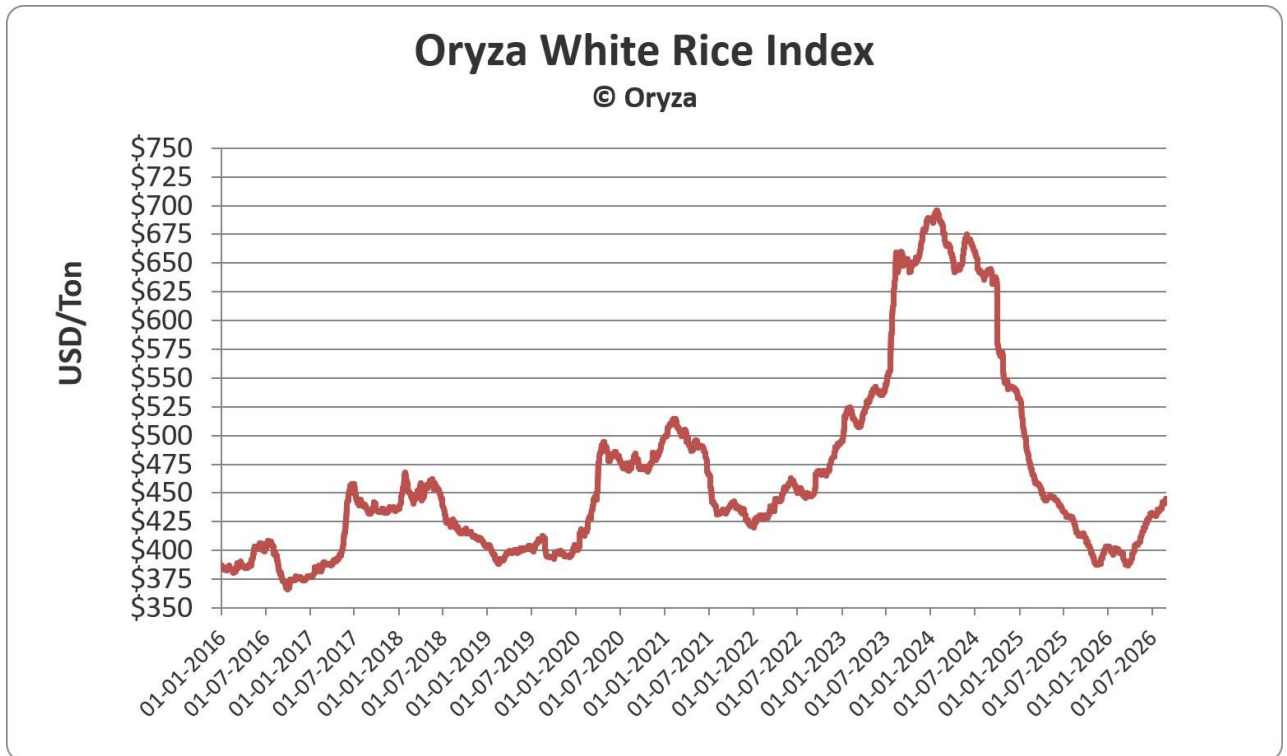
(Từ ngày 25/08/2026 đến ngày 31/08/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	25 – 08		26 – 08		27 – 08		28 – 08	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	461	465	465	469	468	472	475	479
	5% tấm	451	455	453	457	456	460	465	469
	25% tấm	420	424	422	426	423	427	425	429
	Hom Mali 92%	1137	1141	1137	1141	1132	1136	1127	1131
	Gạo đỏ 100% Stxd	463	467	464	468	466	470	471	475
	A1 Super	366	370	366	370	366	370	363	367
VIỆT NAM	5% tấm	442	446	438	442	434	438	428	432
	25% tấm	420	424	418	422	416	420	410	414
	Gạo thơm 5% tấm	470	480	470	480	470	480	470	470
	Jasmine	536	540	534	538	534	538	536	540
	100% tấm	375	379	373	377	370	374	368	372
ẤN ĐỘ	5% tấm	364	368	364	368	365	369	365	369
	25% tấm	350	354	350	354	351	355	351	355
	Gạo đỏ 5% Stxd	370	374	370	374	371	375	373	377
	100% tấm Stxd	304	308	304	308	304	308	305	309
PAKISTAN	5% tấm	404	408	406	410	408	412	410	414
	25% tấm	379	383	379	383	379	383	383	387
	100% tấm Stxd	312	316	312	316	312	316	312	316
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	476	480	476	480	476	480	476	480
MỸ	4% tấm	553	557	553	557	569	573	569	573
	15% tấm (Sacked)	573	577	573	577	573	577	573	577
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	890	894	890	894	890	894	890	894

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:***Tổng quan thị trường:**

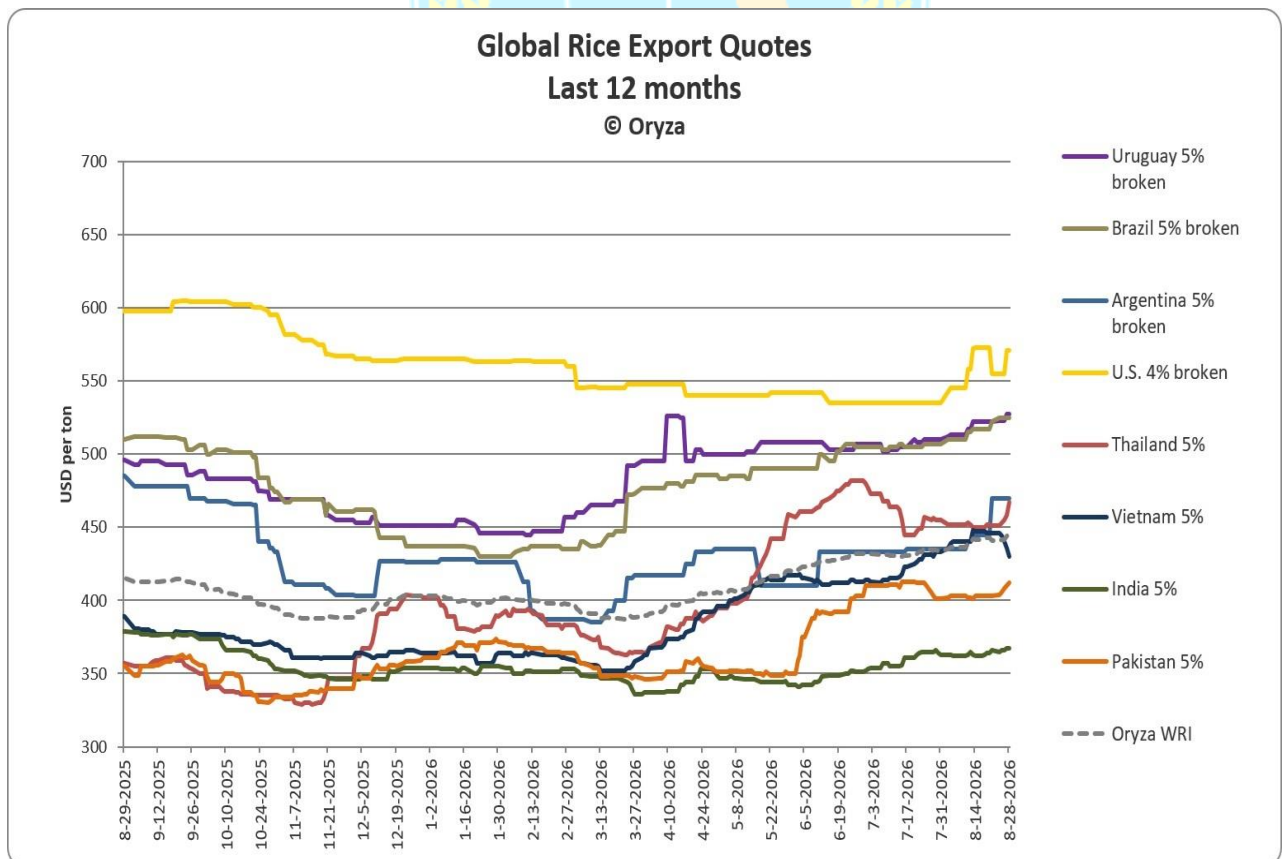
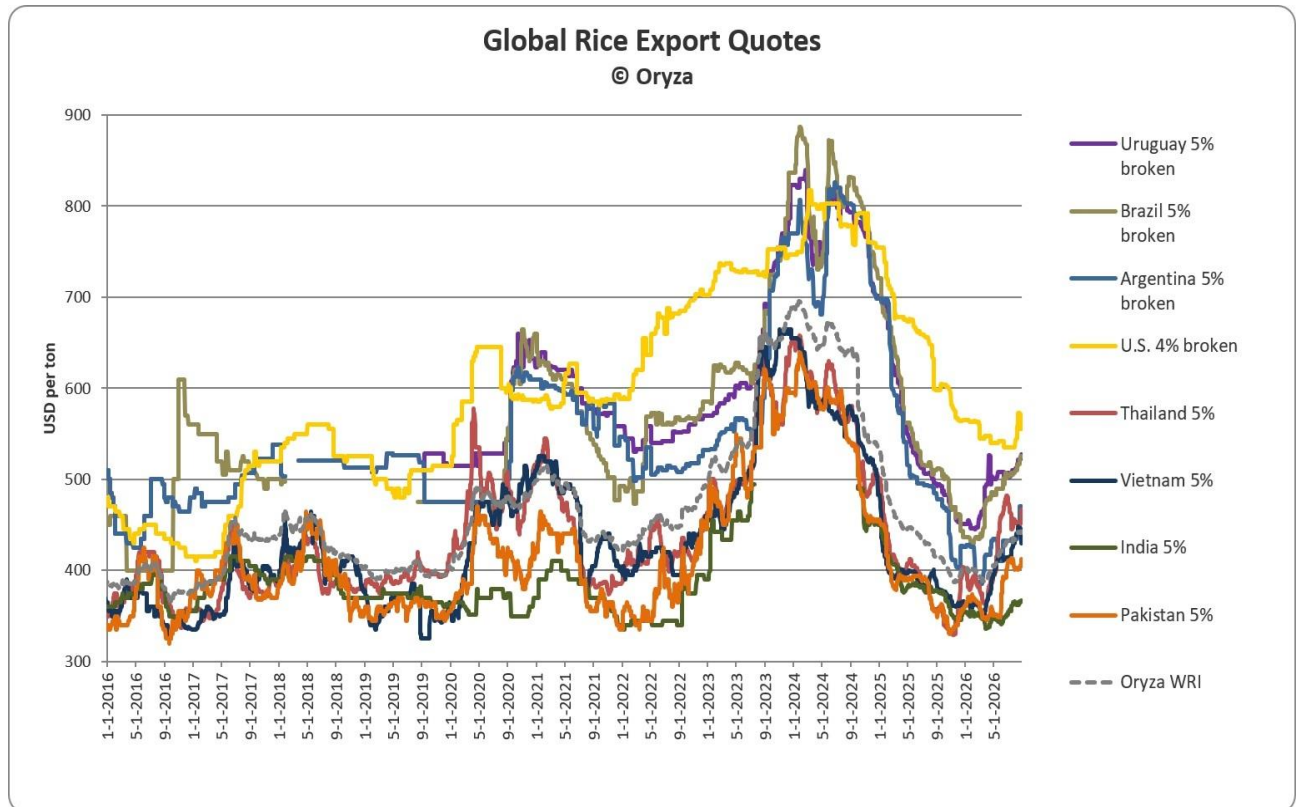
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 445 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước và tăng 11 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 29 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

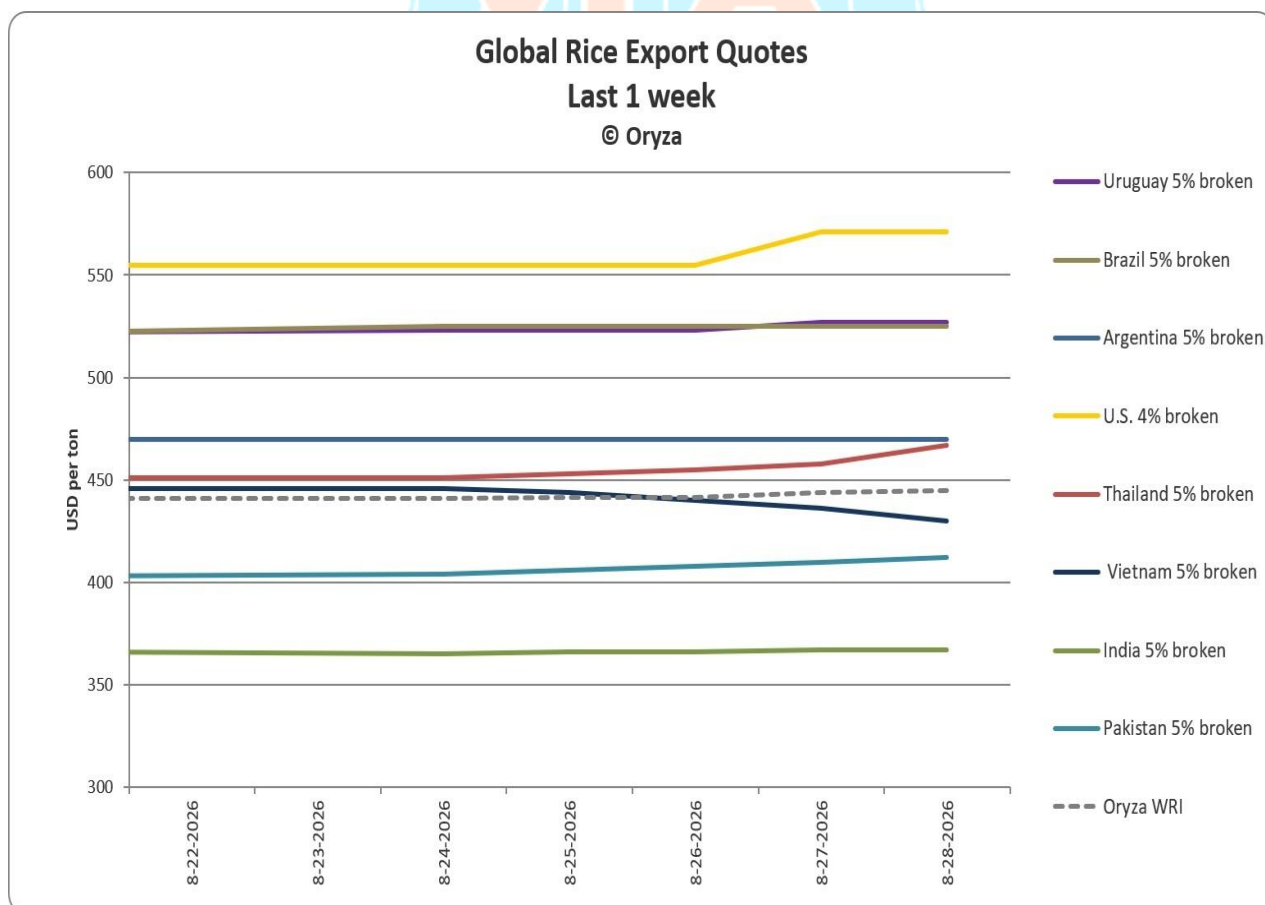
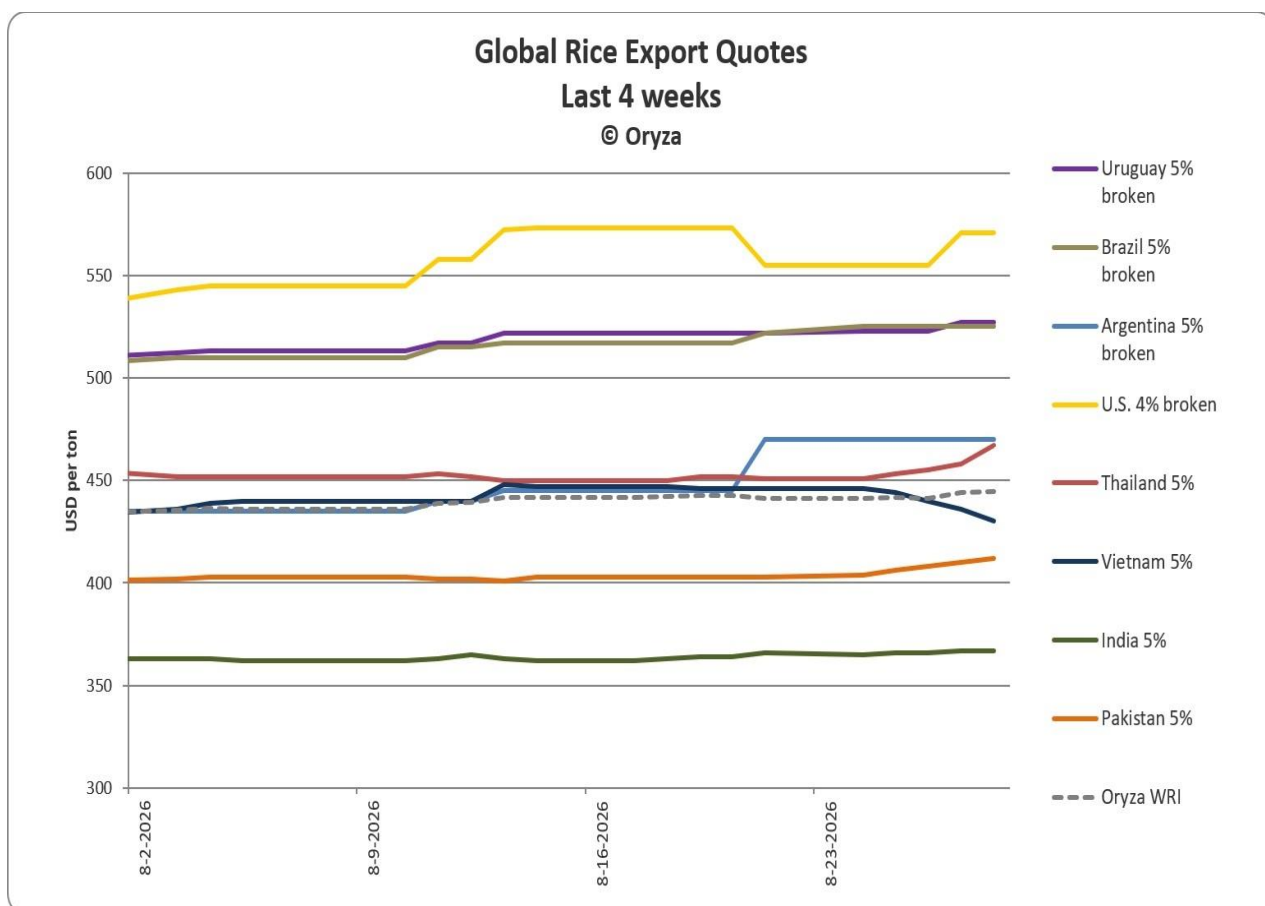
Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (IGC) đã hạ dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 xuống 541 triệu tấn (quy gạo xay xát), so với mức dự báo 543 triệu tấn trước đó, chủ yếu do triển vọng sản xuất của Ấn Độ suy yếu. Sản lượng hiện được dự báo thấp hơn khoảng 1% so với niên vụ 2025/26, trong khi tiêu thụ gạo toàn cầu được dự báo tăng lên 544 triệu tấn, từ mức 538 triệu tấn, do nhu cầu lương thực ngày càng tăng.

Khi tiêu thụ vượt sản lượng, tồn kho chuyển vụ toàn cầu được dự báo giảm xuống 194 triệu tấn, đánh dấu lần đầu tiên lượng tồn kho giảm trong vòng 4 năm. Đồng thời, thương mại gạo toàn cầu được dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 62 triệu tấn trong niên vụ 2026/27, trong khi thương mại trong năm 2027 được dự báo đạt mức kỷ lục, nhờ nhu cầu nhập khẩu mạnh từ châu Phi và châu Á.

Tồn kho của các nước xuất khẩu lớn cũng được dự báo giảm, trong khi lượng tồn kho đặc biệt cao của Ấn Độ tích lũy trong niên vụ 2025/26 được dự kiến bắt đầu giảm khi sản lượng suy yếu và tiêu thụ trong nước tăng lên. Nhìn chung, triển vọng của IGC cho thấy thị trường gạo toàn cầu đang dần trở nên thắt chặt hơn.

Tuy nhiên, nguồn cung vẫn tương đối dồi dào, trong khi chỉ số phụ về gạo đã tăng 3% trong tháng 8, trong bối cảnh những lo ngại về tác động tiềm tàng của hiện tượng El Niño đối với sản xuất lúa gạo tại châu Á.





Philippines

Trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ kỹ thuật số đang hỗ trợ nông dân trồng lúa tại Philippines xác định những hạn chế trong sản xuất, cải thiện năng suất và tăng cường khả năng chống chịu trước các thách thức liên quan đến biến đổi khí hậu thông qua sáng kiến Palay+ của Viện Nghiên cứu Lúa gạo Quốc tế (IRRI). Các nhà nghiên cứu đã sử dụng AI để phân tích dữ liệu ở cấp độ nông hộ, xác định những yếu tố chính góp phần tạo ra khoảng cách năng suất và xây dựng các khuyến nghị quản lý cây trồng phù hợp, cụ thể cho từng địa bàn. Các khuyến nghị này sau đó được kiểm chứng thông qua các thử nghiệm thực địa.

Kết quả thử nghiệm cho thấy việc giải quyết những hạn chế cụ thể này có thể giúp tăng năng suất lúa và cải thiện thu nhập của nông dân. Sáng kiến này cho thấy AI có thể chuyển đổi khối lượng lớn dữ liệu nông nghiệp thành những quyết định thực tiễn ở cấp độ nông hộ, giúp nông dân tập trung nguồn lực vào những biện pháp có khả năng cao nhất trong việc cải thiện năng suất và lợi nhuận.

Cách tiếp cận này cũng có tiềm năng nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu bằng cách hỗ trợ nông dân điều chỉnh các phương thức quản lý sản xuất phù hợp với những điều kiện môi trường đang thay đổi. Nhìn chung, kinh nghiệm của Philippines cho thấy vai trò ngày càng tăng của nông nghiệp số trong việc thu hẹp khoảng cách năng suất lúa, gia tăng sản lượng và thu nhập của nông dân mà không nhất thiết phải mở rộng diện tích canh tác.

Bangladesh

Chi phí nhập khẩu gạo của Bangladesh đã giảm 22,5% xuống còn 528,9 triệu USD trong năm tài chính 2025-26, phản ánh sản lượng gạo trong nước tăng và sự phụ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài giảm. Sản lượng trong nước cao hơn đã cải thiện nguồn cung và cho phép Bangladesh đáp ứng phần lớn hơn nhu cầu tiêu dùng từ nguồn sản xuất nội địa, qua đó hạn chế nhu cầu mua một lượng lớn gạo từ nước ngoài của Chính phủ và khu vực tư nhân.

Nếu sản lượng và nguồn cung trong nước tiếp tục ở mức dồi dào, nhu cầu nhập khẩu của Bangladesh nhiều khả năng sẽ tiếp tục tương đối thấp, qua đó có thể làm giảm vai trò của nước này với tư cách là một khách hàng trên thị trường gạo quốc tế so với những giai đoạn sản xuất trong nước hạn chế hoặc giá gạo nội địa tăng cao.

Mức sụt giảm nhập khẩu này cho thấy vai trò quan trọng của sản lượng gạo trong nước trong việc quyết định nhu cầu nhập khẩu của Bangladesh cũng như ảnh hưởng của nước này đối với thương mại gạo khu vực.

Nhật Bản

Bộ Nông nghiệp Nhật Bản đang xem xét mua lại một phần lượng gạo mà Chính phủ đã đưa ra khỏi kho dự trữ quốc gia trong năm 2025, trong bối cảnh nguồn cung tăng và giá giảm làm gia tăng lo ngại về tình trạng dư thừa trên thị trường.

Tồn kho của khu vực tư nhân đã đạt mức kỷ lục 2,43 triệu tấn, trong khi giá gạo tại các siêu thị đã giảm từ mức trên 4.000 JPY xuống khoảng 3.000 JPY/5 kg.

Với sản lượng vụ mùa năm 2026 được dự báo đạt 7,32 triệu tấn, trong khi nhu cầu ở mức 6,93–7,11 triệu tấn, giá gạo có thể tiếp tục chịu áp lực giảm.

Việc mua lại gạo cũng sẽ giúp bổ sung kho dự trữ của Chính phủ, hiện vẫn thấp hơn nhiều so với mức mục tiêu 1 triệu tấn. Bộ Nông nghiệp dự kiến sẽ đưa ra quyết định trong tháng 9, trong đó cân nhắc giữa việc hỗ trợ nông dân và bổ sung kho dự trữ với nguy cơ biện pháp can thiệp có thể làm chậm quá trình hạ nhiệt giá lương thực.

Mỹ Latinh

Uruguay, Gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 527 USD/tấn, tăng khoảng 5 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 17 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 31 USD/tấn so với một năm trước.

Argentina, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 470 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 35 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 15 USD/tấn so với một năm trước.

Brazil, Gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 525 USD/tấn, tăng khoảng 3 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 18 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 15 USD/tấn so với một năm trước.

Xuất khẩu gạo của Brazil tính trên cơ sở thóc đã đạt gần 1,5 triệu tấn từ đầu năm đến nay, so với khoảng 1,2 triệu tấn nhập khẩu, đưa cán cân thương mại của nước này sang trạng thái thặng dư xuất khẩu khoảng 260.000 tấn, trong khi cùng kỳ năm trước ghi nhận thặng dư nhập khẩu 86.000 tấn.

Guyana, ngành lúa gạo Guyana được dự báo sẽ đạt sản lượng lúa kỷ lục khoảng 1,268 triệu tấn trong năm 2026, nhờ diện tích gieo trồng tăng, các khoản hỗ trợ bằng tiền mặt của Chính phủ và việc tiếp tục đầu tư vào công nghệ nâng cao năng suất.

Mặc dù phải đối mặt với điều kiện nắng nóng và khô hạn, chi phí đầu vào tăng cao và tình trạng ngập lụt xảy ra trước đó, sản lượng vụ thứ hai được dự báo vẫn cao hơn mức trung bình.

Với khoảng một nửa sản lượng thường được xuất khẩu, vụ thu hoạch lớn hơn dự kiến sẽ nâng xuất khẩu gạo năm 2026/27 lên khoảng 420.000 tấn, đánh dấu năm thứ năm liên tiếp xuất khẩu tăng trưởng.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm của Mỹ hiện được chào giá khoảng 571 USD/tấn, tăng khoảng 16 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 36 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 27 USD/tấn so với một năm trước.

Châu Phi

Ghana đang xem xét dỡ bỏ các hạn chế đối với xuất khẩu ngũ cốc, đặc biệt là gạo, trong bối cảnh quốc gia này đang đối mặt với lượng dư thừa ngày càng tăng, hơn 70.000 tấn đang được lưu giữ trong các kho, khiến nông dân và thương nhân gặp khó khăn trong việc tìm người mua và đủ năng lực lưu trữ.

Các hạn chế được áp dụng từ năm 2024 trong bối cảnh lo ngại về nguồn cung lương thực sau một đợt khô hạn, bao gồm gạo, ngô và đậu tương. Tuy nhiên, sản lượng trong nước tăng và khả năng hấp thụ của thị trường nội địa yếu đã khiến tình hình chuyển từ thiếu hụt sang dư thừa tồn kho.

Các hiệp hội trong ngành đang kêu gọi dỡ bỏ các hạn chế, trong đó đề xuất áp dụng cơ chế hạn ngạch xuất khẩu nhằm mở đường tiếp cận các thị trường khu vực đồng thời bảo đảm nguồn cung trong nước.

Đối với thị trường gạo, việc dỡ bỏ các hạn chế có thể giúp Ghana giảm lượng tồn kho trong nước, cải thiện lợi nhuận cho nông dân và tăng nguồn cung gạo cho các thị trường Tây Phi lân cận. Tuy nhiên, lượng dư thừa này vẫn tương đối nhỏ xét trên quy mô thương mại toàn cầu, do đó tác động đáng kể hơn đối với Ghana và thị trường khu vực.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 367 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 2 USD/tấn so với tháng trước, giảm 12 USD/tấn so với cùng kỳ.

Hoạt động giao dịch kết thúc tuần trầm lắng. Giá gạo trắng tuần qua giảm nhẹ do tình trạng ùn tắc tại cảng Kandla, nguồn cung nội địa cải thiện và người mua đang chờ vụ thu hoạch mới.

Thị trường basmati duy trì xu hướng ổn định do nguồn cung gạo vụ cũ còn hạn chế, trong khi giá lúa vụ mới ở mức cao.

Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ (DGFT) đã điều chỉnh chính sách xuất khẩu đối với lúa mì, lúa mì durum, bột mì và các sản phẩm liên quan từ sang

xuất khẩu tự do. Việc thay đổi chính sách có thể giúp nước này tăng xuất khẩu lúa mì sang các thị trường châu Á, châu Phi và Trung Đông, qua đó góp phần giảm áp lực nguồn cung toàn cầu.

Xuất khẩu gạo sang Iran có thể chịu tác động từ những thay đổi về logistics và tài chính do các lệnh trừng phạt mới của Mỹ và việc UAE đình chỉ một số giao dịch thương mại, tài chính liên quan đến Iran làm gián đoạn các kênh giao dịch qua Dubai. Tác động được dự kiến ảnh hưởng đối với phân khúc gạo basmati cao cấp, chi phí vận tải, bảo hiểm, tài chính và thanh toán có thể gia tăng. Đồng thời, các nhà xuất khẩu có thể phải điều chỉnh phương thức và tuyến giao dịch.

Trong bối cảnh thương mại Ấn Độ–Iran có xu hướng giảm, nguồn cung basmati nước này có thể được chuyển hướng sang các thị trường Trung Đông khác khi tình trạng gián đoạn kéo dài, gây áp lực lên giá khu vực trong khi khiến chi phí nhập khẩu của Iran tăng lên.

Nước này dự báo mùa mưa năm 2026 yếu nhất trong gần hai thập kỷ qua, với lượng mưa từ đầu tháng 6 thấp hơn khoảng 13% so với mức bình thường. Tình trạng này có thể ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, đặc biệt là lúa gạo, và gây áp lực lên nguồn cung nông sản nếu lượng mưa tiếp tục ở mức thấp trong tháng 9

Mặc dù lượng tồn kho đệm nước này vẫn góp phần giảm thiểu nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn, nếu sản lượng giảm kéo dài, lượng gạo dư thừa dành cho xuất khẩu có thể bị thu hẹp, từ đó tác động đến thị trường gạo toàn cầu, giá lương thực và thu nhập của người dân.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 467 USD/tấn, tăng 16 USD/tấn so với tuần trước, tăng 11 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 110 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Giá gạo trắng kết thúc tuần ngày 28/8 có xu hướng tăng nhờ nhu cầu ổn định khi nguồn cung còn hạn chế. Các thương nhân hiện đang tập trung thu mua gạo nguyên liệu hoàn thành các hợp đồng đã ký.

Thị trường gạo Hom Mali có xu hướng giảm trong hai tuần qua do áp lực giải phóng tồn kho cũ trước khi thu hoạch vụ mới.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 412 USD/tấn, tăng 9 USD/tấn so với tuần trước và so với tháng trước, tăng 57 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo trắng kết thúc tuần ngày 28/8 có xu hướng giảm do nhu cầu quốc tế hạn chế. Gạo tằm được ghi nhận giảm nhẹ nhưng vẫn được hỗ trợ bởi nguồn cung nội địa hạn chế và nhu cầu từ ngành thức ăn chăn nuôi.

Một số doanh nghiệp cho rằng giá FOB có thể tiếp tục giảm do chính sách hoàn thuế đang được áp dụng đến tháng 9/2026, các nhà xuất khẩu có thể điều chỉnh giá chào theo diễn biến thị trường.

Hoạt động giao dịch gạo basmati tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu xuất khẩu yếu và cạnh tranh từ Ấn Độ tiếp tục là yếu tố tác động đến thị trường.

Miền Điện

Thị trường gạo trắng tuần qua ảm đạm do do nhu cầu từ Philippines giảm và giá chào xuất khẩu của nước này cao hơn các nguồn cung khác trong khu vực. Một số nhà xuất khẩu chờ nhu cầu cải thiện thay vì điều chỉnh giá chào.

Gạo tằm có xu hướng tăng nhẹ nhờ nhu cầu từ Trung Quốc, nhưng giao dịch vẫn hạn chế do người mua và người bán chưa thống nhất giá.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	25 - 08	26 - 08	27 - 08	28 - 08	31 - 08
Trung Quốc (CNY/USD)	6,72	6,72	6,72	6,72	6,73
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.711,92	17.670,20	17.725,59	17.719,26	17.731,58
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,04	4,04	4,03	4,03	4,03
Philippines Peso (PHP/USD)	61,72	61,70	61,68	61,89	62,27
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.383,39	1.383,60	1.386,43	1.381,39	1.376,48
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	159,19	159,22	159,37	159,26	160,11
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,77	95,25	95,38	95,50	95,40
Miền Điện (MMK/USD)	2.099,77	2.099,67	2.100,01	2.099,77	2.100,04
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,61	277,49	277,65	277,39	277,41
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,71	32,71	32,85	32,86	33,11
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.130,14	26.116,52	26.095,32	26.054,22	26.087,63

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

** Tiến độ sản xuất:*

Tính đến ngày 31/08/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,738 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,045 triệu ha với năng suất khoảng 59,88 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,26 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 382 ngàn ha/764 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 50%, đã bắt đầu thu hoạch được khoảng 3 ngàn ha, với năng suất ước 63,04 tạ/ha, sản lượng 20 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 31/08/2026 có 18 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 152.050 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Quang Minh 6	HCM	27/07/2026	4,500	Malaysia
2	Phú An 368	HCM	28/07/2026	4,750	Malaysia
3	Nova	HCM	29/07/2026	48,000	Châu phi
4	Phú An 289	HCM	30/07/2026	5,000	Philippines
5	New Xa La	HCM	04/08/2026	4,100	Malaysia
6	Hoàng Phụng Vigor	HCM	05/08/2026	4,750	Malaysia
7	Lucky Star 6	HCM	08/08/2026	7,300	Philippines
8	Phúc Thuận 289	HCM	10/08/2026	6,000	Philippines
9	Royal 18	HCM	10/08/2026	5,000	Malaysia
10	Vinh 02	HCM	11/08/2026	4,900	Malaysia
11	Thái Bình 38	HCM	15/08/2026	5,000	Philippines
12	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32,000	Châu phi
13	Vinh Quang Glory	Mỹ Thới	16/08/2026	3,150	Malaysia
14	Quang Minh 6	HCM	19/08/2026	4,850	Philippines
15	Kiến Hưng	HCM	21/08/2026	3,400	Philippines
16	CL Xiangtan	HCM	24/08/2026	50,000	Châu phi
17	Bình Nguyên 289	HCM	24/08/2026	3,850	Malaysia
18	Sea Dragon 9999	HCM	26/08/2026	4,900	Malaysia
19	Star 16	HCM	26/08/2026	5,700	Malaysia
20	North Star	Mỹ Thới	28/08/2026	1,500	Malaysia
21	Vinh Quang Sun	HCM	28/08/2026	2,800	Malaysia
22	Hương Anh 59	HCM	31/08/2026	2,850	Malaysia
Tổng				214.300	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	27/08	+/-	27/08	+/-	27/08	+/-	27/08	+/-	27/08	+/-	27/08	+/-	27/08	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-400	6.150	-350	6.300	-50	6.150	-350	6.175	-575	6.350	-400	6.350	-300	6.350	6.232
Lúa thường	6.050	-400	6.050	-150	6.150	+25	6.050	-150	5.950	-200	6.150	-300	6.050	-200	6.150	6.064
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-400	7.500	-400	7.550	-243	7.550	-400	8.750	-			7.850	-800	8.750	7.792
Lúa thường	7.350	-400	7.400	-150	7.500	+160	7.400	-50	8.200	-			7.450	-800	8.200	7.550
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.750	-	9.850	-300	9.250	-500	9.250	-800	9.225	-775			9.750	-500	9.850	9.513
Lứt loại 2	9.650	-	9.500	-200	9.050	-500	9.050	-925	8.950	-775	9.650	-325	9.450	-300	9.650	9.329
Xát trắng loại 1			10.850	-500			10.100	-1000	10.525	-825	10.850	-500	10.750	-600	10.850	10.615
Xát trắng loại 2			10.650	-100			10.050	-900	9.950	-900	10.650	-300	10.450	-300	10.650	10.350
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.350	-100	8.550	-100	8.550	-	8.550	-50	8.525	-125	8.550	-100	8.250	-300	8.550	8.475
Tấm 2/3			8.450	-	8.425	-125			8.425	-100			7.950	-200	8.450	8.313
Tấm 3/4	8.050	-	8.350	-50	8.450	-							7.950		8.450	8.200
Cám xát	7.350	+100	7.450	-50	7.525	+75	7.550	+50	7.525	+100	7.550	+50	7.050	-	7.550	7.429
Cám lau	7.350	+100	7.350	-100	7.525	+75	7.550	+50	7.525	+100	7.550	+50	7.150	-	7.550	7.429
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.400	-700	10.950	-100	10.600	-400	10.950	-550	10.450	-850	11.050	-450	11.050	-300	11.050	10.779
10%			10.850	-100					10.700	-			10.950		10.950	10.833
15%	10.200	-700	10.750	-100	10.400	-400	10.750	-550	10.500	-	10.750	-550	10.750	-200	10.750	10.586
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	10.000	-700	10.150	-100	10.200	-400	10.550	-550	9.900	-	10.550	-550	10.450	-200	10.550	10.257
